

Số: 457/2017/QĐHNGĐ-ST

Quận 6, ngày 10 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 175/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị P, sinh năm: 1974;

Cư trú: Số 165/9A3 đường VT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Trung N, sinh năm: 1973;

Cư trú: Số 165/9A3 đường VT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; các Điều 147, 150, 212, 213, 483 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 55, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Cao Thị P và ông Huỳnh Trung N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị P và ông Huỳnh Trung N được ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 28 quyển số I/96 ngày 30/7/1996 do Ủy ban Nhân dân xã PT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Bà Cao Thị P và ông Huỳnh Trung N có hai con chung tên Huỳnh Trung K, sinh ngày 21/02/1998 và Huỳnh Trung T, sinh ngày 28/02/2006; các bên thỏa thuận giao Huỳnh Trung T cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, kể từ ngày 01/7/2017 cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi. Đối với Huỳnh Trung K đã trưởng thành lao động được các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Tài sản chung và nợ chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông N phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng); bà P phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004414 ngày 20/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, bà P được nhận lại 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 và Điều 26 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- THADS Quận 6;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Phan Văn Hùng